

KINH PHẬT BÁT-NÊ-HOÀN

QUYỂN HẠ¹

Đức Phật ra khỏi nhà ông Thuần, bảo Tôn giả A-nan đến nước Cưu-di-na-kiệt². Tôn giả A-nan thưa:

“Dạ vâng.”

Tôn giả liền cùng các Tỳ-kheo Tăng từ nước Hoa thị đi tới nước Cưu-di-na-kiệt. Đức Phật bảo:

“Ta đang bệnh, cần phải ngồi nghỉ.”

Ngài gọi A-nan. A-nan thưa: “Dạ vâng.”

Đức Phật nói:

“Gần chỗ này có một con suối tên là Cưu-đối³. Hãy cầm bát đến đó múc đầy bát nước lại đây. Ta muốn uống nước và rửa mặt.”

Tôn giả A-nan liền đến bên suối. Khi ấy có năm trăm cỗ xe đi qua trên dòng nước làm nước rất đục. A-nan liền múc nước đục đem đến, bạch Đức Phật:

“Trên dòng nước có đến năm trăm cỗ xe đi qua làm cho nước rất đục. Nước này chỉ có thể rửa mặt, rửa chân chứ không thể uống. Ở vùng ấy lại có một con suối tên là Hê-liên⁴, nước rất trong, từ đây đến đó cũng không xa, con có thể tới suối kia lấy nước cho Thế Tôn uống.”

¹. Bản Hán: Quyển hạ, No.1(2) sđd.: 'Du Hành kinh Đệ nhị'.

². Cưu-di-na-kiệt 鳩夷那竭; No. 2(2) sđd.: Câu-thi-na-kiệt 拘尸那傑; Pāli: Kusinagara.

³. Cưu-đối 鳩對; No.1(2) sđd.: Câu-tôn 拘孫.

⁴. Suối Hê-liên 醯連; có lẽ là sông Hi-liên-thiền (Pāli: Hiraññanavatī; xem cht.99, quyển thượng). Nhưng, theo No.1(2), giữa sông Câu-tôn (đây gọi là Cưu-đối, xem cht.3) và chỗ Phật dừng chân có một con suối nước đục. Sông Hi-liên-thiền còn cách xa một quãng nữa.

Đức Phật liền dùng nước đục để rửa mặt, rửa chân. Bệnh của Ngài có phần thuyên giảm. Bấy giờ có vị đại thần tên là Bào-mân⁵, người nước Hoa thị, cùng đi trên đường, từ xa trông thấy oai thần của Đức Phật, dung mạo đoan nghiêm, đang ngồi một cách an tịnh. Đại thần Bào-mân liền đến trước Đức Phật đánh lễ rồi ngồi xuống. Đức Phật giảng nói kinh cho ông nghe và ông rơi lệ khóc lóc. Đức Phật dạy:

“Có Tỳ-kheo nào đã từng nói kinh cho ông nghe chưa. Vì sao nghe kinh mà ông lại khóc?”

Bào-mân thưa:

“Có một người tên là La-ca-diêm⁶ tụng kinh cho con nghe, khi ấy nước mắt con tuôn trào.”

Đức Phật hỏi:

“Ông ta tụng kinh gì?”

Bào-mân thưa:

“La-ca-diêm ngồi bên gốc cây, tự suy tư về thân thể. Lúc ấy có năm trăm cỗ xe đi qua. Không lâu sau đó có một người đến hỏi: ‘Vừa rồi có năm trăm cỗ xe chạy qua, Tôn giả không nghe tiếng động sao?’. Đáp: ‘Ta không nghe’. Người ấy nói: ‘Gần ngay nơi đây, tiếng xe ầm ầm như vậy, sao lại không nghe?’ Đáp: ‘Không nghe’. Người ấy nói: ‘Khi đó Tỳ-kheo ngủ à?’ Đáp: ‘Không ngủ’. Người ấy nói: ‘Vậy sao lại không nghe tiếng xe chạy?’ Đáp rằng: ‘Ta đang nghĩ đến đạo, tự tư duy về năm tạng trong thân thể mình.’ Kẻ ấy nói: ‘Xe chạy qua như vậy mà lại không nghe tiếng xe!’”

Bào-mân thưa:

“Con đi nửa đường thì gặp một người đã thuyết pháp cho con nghe. Đó là Tỳ-kheo La-ca-diêm, người giữ đạo thâm diệu, không nghe tiếng ầm ầm của năm trăm cỗ xe chạy qua. Do đấy con cảm phục nên khóc.”

Đức Phật nói với Bào-mân:

⁵. Nguyên văn: Đại thần danh Bào-mân 大臣名胞毘; No.2(2) sdd.: A-la-hán đệ tử danh viết Phúc-quý 阿羅漢弟子名曰福貴.

⁶. La-ca-diêm 羅迦鹽; chính xác phải đọc là Ca-la-diêm, tên người thường biết với phiên âm là A-la-la Ca-la-ma (Pāli: Ālāra-Kālāma), vị đạo sĩ mà Đức Thích Tôn đã từng đến tham vấn đạo sau khi Ngài rời cung vua. Trong bản Pāli, Pakkusa (tức Bào-mân ở đây) là đệ tử của Ālāra-Kālāma.

“Tiếng của năm trăm cỗ xe chạy so với tiếng sấm sét, tiếng nào lớn hơn?”

Bào-mân thưa:

“Cho dù có ngàn cỗ xe chạy, tiếng động vẫn không bằng tiếng sấm sét.”

Đức Phật bảo Bào-mân:

“Ngày trước ta ở tại xóm Ưu-đàm⁷, ngồi tư duy về nguồn gốc sanh tử của muôn loài. Bấy giờ trời đang mưa ào ào, sấm sét vang rền dữ dội, làm chết bốn con trâu và hai anh em người đi cày. Khi ấy nhiều người xúm lại để xem. Có một người đi đến chỗ ta, tới phía trước đánh lễ. Ta hỏi: ‘Người ta làm gì mà tụ tập đông quá vậy?’ Người ấy thưa: ‘Vừa rồi sấm sét đã giết chết bốn con trâu và anh em người đi cày, tại sao Phật không nghe; hay là lúc ấy Phật đang ngủ chăng?’ Đức Phật trả lời: ‘Ta không ngủ. Ta đang ngồi tư duy về đạo.’ Người ấy nói: ‘Đạo của Phật sâu xa như vậy, tuy Ngài không ngủ mà vẫn không nghe tiếng sấm sét vang rền dữ dội, là do Ngài đang suy tư về đạo một cách sâu xa.’ Người đó cũng rơi lệ.”

Đại thần Bào-mân thưa:

“Đạo của Phật sâu xa như vậy, từ nay về sau con xin thọ trì kinh giới của Phật.”

Bào-mân liền gọi kẻ tùy tùng tới, bảo trở về lấy tấm vải dạ dệt bằng kim tuyến⁸ đem đến để ông dâng cúng Đức Phật. Kẻ tùy tùng liền trở về nhà đem tấm dạ dệt bằng kim tuyến đến. Bào-mân dâng lên Phật, thưa:

“Mặc dù con biết Đức Phật không dùng thứ này nhưng mong Ngài thương xót mà nhận cho con.”

Đức Phật liền thọ nhận. Bào-mân đánh lễ Phật rồi đi. Ông đi chưa bao lâu, Đức Phật bảo A-nan:

“Hãy mang tấm dạ dệt bằng kim tuyến, có màu vàng lại đây.”

Tôn giả A-nan thưa:

“Con đã theo hầu Phật trên hai mươi năm chưa hề thấy tấm dạ nào đẹp như vậy.”

Đức Phật nói:

7. Ưu-đàm 優曇; No.1(2) sdd.: A-việt 阿越, Pāli: Atuma.

8. Nguyên văn: hoàng kim chức thành điệp bố 黃金織成疊 (bộ mao 毛) 布.

“Còn có cái hết sức đẹp.”

A-nan thưa:

“Sắc mặt của Đức Phật ngày hôm nay đẹp như sắc tẩm dạ vậy.”

Đức Phật bảo A-nan:

“Đức Phật có hai lần đạt được sắc diện đẹp như vậy. Đó là lúc Đức Phật mới thành đạo, sắc diện đẹp như thế. Ngày hôm nay vào lúc nửa đêm ta sẽ nhập Nê-hoàn nên sắc diện cũng lại đẹp như vậy.”

Đức Phật lại bảo A-nan:

“Hãy đi đến bên dòng suối Hê-liên, ta muốn tắm rửa thân thể.”

A-nan thưa:

“Dạ vâng.”

Đức Phật cùng A-nan đi đến bên dòng suối Hê-liên. Đức Phật cởi y, tự mình lấy nước để tắm rửa⁹. Đức Phật bảo A-nan:

“Sáng nay Ta thọ trai nơi nhà con ông Hoa Thị tên là Thuần, rồi vào lúc nửa đêm ta sẽ nhập Nê-hoàn. Hãy nói cho ông Thuần biết: Đức Phật đã thọ trai nơi nhà ông, vào nửa đêm hôm nay Ngài sẽ nhập Nê-hoàn. Vậy ông nên hoan hỷ. Hãy bảo ông Thuần đừng khóc lóc. Nếu ai cúng cơm cho Đức Phật một lần sẽ được năm thứ phước. Đó là bữa ăn cuối cùng trước khi Phật Bát-nê-hoàn. Vậy ông Thuần sẽ được trường thọ, được đoan chánh, được phú quý, được tôn trọng, được sanh lên cõi trời. Đức Phật là Bạc đáng tôn kính, ai cúng dường cơm nước cho Ngài một lần là được năm thứ phước trên.”

A-nan bạch Phật:

“Có một Tỳ-kheo tên là Chiên-đàn¹⁰, tánh tình nóng nảy, ưa chửi mắng, thường tranh cãi với các Tỳ-kheo. Sau khi Phật Bát-nê-hoàn, con gặp các Tỳ-kheo như vậy làm sao để cùng nhau phụng sự kinh giới của Phật?”

Đức Phật bảo A-nan:

“Sau khi Ta nhập Nê-hoàn rồi, nếu gặp loại Tỳ-kheo như vậy thì hãy dừng quan hệ, các Tỳ-kheo hãy đừng nói với kẻ ấy. Như vậy Tỳ-kheo Chiên-đàn sẽ phải suy nghĩ, ôm lòng xấu hổ, hối hận vì thường

⁹. No.1(2): Phật uống nước và tắm gội nơi sông Câu-tôn (Pāli: Kakutthā).

¹⁰. Chiên-đàn 梅檀; No.1(3) sđd.: Xiển-nộ 闍怒, còn phiên là Xiển-đà 闍陀 hay là Xiển-na 闍那; Pāli: Channa; Skt.: Chandaka, tức là Xa-nặc 車匿 nguyên quân hầu mã của Thái tử.

tranh cãi với các Tỳ-kheo.”

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

“Hãy trải giường cho ta, đầu quay về hướng Bắc. Lưng ta đau nhức, ta muốn nằm.”

A-nan liền trải giường, đặt gối. Đức Phật nằm nghỉ, nghiêng hông về phía bên phải, hai chân chồng lên nhau. Ngài nằm suy tư về đạo vô vi. Đức Phật đang nằm, bảo A-nan:

“Người có biết bảy sự về ý¹¹ không? Những gì là bảy? Một, có chí. Hai, hiểu rõ kinh. Ba, siêng tụng kinh. Bốn, không ham nằm, ưa thích kinh. Năm, chánh tâm. Sáu, tịnh tâm. Bảy, thấy trong thân toàn là đồ dơ bẩn. Tỳ-kheo có được bảy pháp này thì tự biết là mình đã giải thoát khỏi cuộc đời.”

A-nan có ý nghĩ là Phật đang mệt mỏi. Đức Phật bảo A-nan:

“Người nghĩ rằng Phật biếng nhác chẳng?”

Đức Phật bảo A-nan:

“Người mà không biếng nhác đối với kinh, không biếng nhác ngồi dậy; người ấy muốn làm Phật thì có thể¹².”

Nói xong, Phật ngồi dậy.

Bấy giờ có một Tỳ-kheo tên Kiếp-tân¹³, đến nói với A-nan:

“Tôi muốn hỏi một việc.”

Tôn giả A-nan đáp:

“Thánh thể của Phật không điều hòa, vậy nên thôi đi.”

Đức Phật từ bên trong biết có Tỳ-kheo muốn hỏi chuyện, Ngài bảo A-nan:

“Hãy bảo Tỳ-kheo ấy vào gặp ta.”

Đức Phật dạy:

“Người muốn hỏi gì cứ hỏi.”

¹¹. Hán: thất ý chi sự 七意之事, tức bảy Giác ý, cũng gọi là Giác chí, hay Bồ-đề phần (Pāli: satta sambojjhaṅgā), theo dịch ngữ thông dụng: 1. Niệm 念 (Pāli: satti); 2. Trạch pháp 擇法 (dhamma-vicaya); 3. Tinh tấn 精進 (virīya); 4. Hỷ 喜 (pīti); 5. Khinh an 輕安 (passaddhi); 6. Định 定 (samādhi); 7. Xả 捨 (upekkhā).

¹². Chính xác, đoạn văn mô tả trạng thái nghỉ ngơi của Phật, nhưng bản Hán dịch dài dòng và tối nghĩa. Tham chiếu Pāli: (...) sato sampajāno utthānasaññam manasikarivā, “chánh niệm, tỉnh giác, với ý tưởng ngồi dậy”.

¹³. Kiếp-tân 劫賓; No.1(2) sđd.: không có tên cùng sự kiện này.

Tỳ-kheo thưa:

“Ngài đang bị bệnh, xin đừng thuyết giảng kinh nữa. Phật đã nói về bảy sự. Chúng con nghe và sẽ thực hành theo. Phật không cần thuyết kinh nữa.”

“Vừa rồi ta mới nằm, A-nan nghĩ rằng Đức Phật có ý mệt mỏi, sao lại nằm. Do đó ta ngồi dậy nói về bảy việc.”

Tỳ-kheo thưa:

“Đức Phật là Bạc tôn quý của trời và người, tại sao Ngài không lên trời lấy thuốc để trị cho hết bệnh?”

Đức Phật dạy:

“Như ngôi nhà cũ, thời gian lâu đều bị hư nát, nhưng đại địa thì sẽ tiếp tục an ổn. Tâm của Phật thì an ổn như đại địa, còn thân của Phật thì như ngôi nhà cũ. Tâm ta không bệnh, chỉ có thân ta mới có bệnh thôi.”

Đức Phật dạy:

“Hãy lo về bảy sự, lo cho thân mà giữ giới.”

Tỳ-kheo thưa:

“Nay Phật sắp nhập Nê-hoàn vì thân có bệnh, huống chi là người phàm phu có xác thịt!”

Tỳ-kheo thưa:

“Loài chim yến sanh con, nhờ cha mẹ đút mồi mà được sống. Nay Đức Phật bỏ chúng con mà nhập Nê-hoàn, vậy chúng con biết nương cậy vào ai.”

Đức Thế Tôn bảo:

“Ta đã từng nói rằng: Có sanh thì có tử. Tỳ-kheo nên nhớ việc thọ trì trọng giới của Đức Phật.”

Tỳ-kheo ấy lui ra. Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

“Hãy đi nhanh đến rừng Diêm-kha-sa¹⁴ trải giường, đầu quay về hướng Bắc, vào lúc nửa đêm hôm nay Ta sẽ nhập Nê-hoàn.”

A-nan vâng lời đi đến đó, đặt giường ở trong rừng, đầu quay về hướng Bắc xong, trở về thưa:

“Con đã trải giường xong.”

¹⁴. Diêm-kha-sa 鹽呵沙, phiên âm, chỉ rừng Sa-la song thọ, tức rừng cây Sa-la mọc đôi; Pāli: yamaka-sālā.

Đức Phật đứng dậy đi đến Diêm-kha-sa, nằm lên giường, hông nghiêng về phía hữu. Có một Tỳ-kheo tên là Ưu-hòa-hoàn¹⁵, đến đứng ở trước Đức Phật. Đức Phật bảo:

“Không nên đứng phía trước Ta!”

A-nan bạch Phật:

“Từ khi con đích thân làm thị giả đến nay là hai mươi lăm năm, con chưa từng thấy có Tỳ-kheo nào đi thẳng đến trước Phật mà không hỏi ý con.”

Đức Phật bảo:

“Tỳ-kheo này có oai thần lớn hơn cả chư Thiên, nghe Phật diệt độ cho nên mới nóng lòng tự mình đến thẳng phía trước, muốn gặp Phật¹⁶.”

A-nan hỏi:

“Chỉ có vị Thiên này biết Phật sắp diệt độ hay lại có các vị Thiên khác cùng biết?”

Đức Phật bảo A-nan:

“Từ cảnh giới nước Cửu-di-na-kiệt, trong khoảng bốn trăm tám mươi dặm, đầu này nối tiếp đầu kia, không có một kẽ hở, đều là chư Thiên; nghe Phật sắp Nê-hoàn, họ đều thương tiếc, khóc lóc mà đi đến đây. Trong đó có vị cào đầu, bứt tóc, xé áo, tim muốn ngừng đập, ngất xỉu, than rằng: ‘Sao mà buồn quá! Đức Phật đã bỏ chúng ta. Ngài đã diệt độ vĩnh viễn! Sao mà nhanh thế! Phật là Bạc sáng suốt tốt bậc, là con mắt của ba cõi, nay Ngài đã nhập Niết-bàn, ba cõi thành tối tăm’.”

Đức Phật bảo A-nan:

“Ta đã từng nói rằng: ‘Trong trời đất này chẳng có cái gì mà chẳng bị hủy hoại; có sanh thì có tử. Kẻ ngu si thì cho rằng trời đất này là thường còn, Phật thì cho đó là hư không. Đất trời có thành thì có hoại, thân này rồi cũng phải bỏ đi. Chỉ có thiện hay ác đi theo thân. Cha có điều xấu ác, con không bị tai ương. Con có điều xấu ác, cha cũng không bị tai ương. Mỗi người phải tự nhận lấy sự sống chết, thiện hay ác, tai ương hay lỗi lầm, tất cả đều tùy thuộc vào mình.’”

¹⁵. Ưu-hòa-hoàn 優和洹; No.1(2) sđd.: Phạm-ma-na 梵摩那; Pāli: Upavāṇa.

¹⁶. So sánh với No.1(2) và Pāli: Bấy giờ rất đông chư Thiên muốn hầu Phật, nhưng vì uy lực của Tỳ-kheo này quá lớn che mắt, khiến chư Thiên không vào được. Vì vậy, Phật bảo Tỳ-kheo tránh ra.

A-nan bạch Phật:

“Sau khi Phật diệt độ, cách thức an táng thân thể của Phật phải làm như thế nào?”

Đức Phật bảo A-nan:

“Người hãy im lặng, đừng lo. Sẽ có các Thệ tâm, Lý gia cùng nhau lo việc đó¹⁷.”

A-nan thưa:

“Họ theo phương thức gì để an táng tôn thể của Đức Phật?”

Đức Phật bảo A-nan:

“Phương thức an táng cũng như phương thức an táng của hoàng đế Phi hành¹⁸. Đức Phật còn hơn thế nữa.”

Tôn giả A-nan thưa:

“Phương thức an táng ấy như thế nào?”

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

“Lấy dạ trắng mới quấn quanh thân, tiếp đến lấy mười tấm vải kiếp-ba quấn lên trên dạ trắng, rồi đặt vào trong kim quan bằng bạc, dùng nước hoa rưới lên vải kiếp-ba; lại dùng tất cả loại hương tốt để lên trên, lấy củi cây tử, cây chương, cây Chiên-đàn chất chung quanh kim quan. Dùng lọng che lên kim quan, lấy củi chất trên dưới rồi trà-tỳ. Trà-tỳ xong thì thu lấy xá-lợi, dựng tháp, treo phan, tại ngã tư đường, đặt cái mâm lên trên; trống nhạc, hoa hương, đốt đèn cúng dường. Phương thức an táng của Phi hành hoàng đế là như vậy. Cách thức an táng Đức Phật còn hơn thế nữa.”

Khi Đức Phật nói như vậy, A-nan đứng ở phía sau Ngài tiếc thương khóc lóc, đặt đầu trên góc giường, thưa:

“Ngài diệt độ sao mà nhanh quá! Đất trời trở nên tối tăm.”

Khắp bốn phương, các Tỳ-kheo Tăng nghe Đức Phật sắp diệt độ đều khóc lóc trở về. Họ nói với nhau: ‘Sợ không còn thấy được Phật.’ Có Tỳ-kheo Tăng bước đến, Đức Phật hỏi:

“Tỳ-kheo A-nan ở đâu?”

Thưa:

“Tôn giả A-nan ở gần sau góc giường, đang cúi đầu khóc nghẹn

¹⁷. Tức việc đó để cho các Bà-la-môn, cư sĩ lo.

¹⁸. Phi hành hoàng đế 飛行皇帝 tức Chuyển luân thánh vương 轉輪聖王.

ngào.”

Các Tỳ-kheo chảy nước mắt thưa:

“Đức Thế Tôn diệt độ sao mà nhanh quá!”

Đức Phật dạy:

“Lúc đi qua các thôn xóm, ta đã có cho biết trước rằng: ‘Khoảng chín mươi ngày trở lại ta sẽ nhập Nê-hoàn. Lúc này, bốn chúng đệ tử ở xa vài ngàn dặm, tất cả đều trở về’.”

Đức Phật bảo A-nan:

“Chớ có buồn rầu. Sở dĩ như vậy, vì người đã hết lòng hầu Phật trên hai mươi năm; có tâm từ đối với Phật; thân thì cung kính, miệng thì thận trọng; có lòng đại hiếu đối với Phật. Thị giả của Phật thời quá khứ cũng như A-nan, thị giả của Phật thời vị lai cũng như A-nan. Người biết ý Phật; biết lúc nào nên cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di vào gặp Phật, lúc nào thì không nên cho. Trong công việc hầu hạ chuyện ăn uống, lúc nào nên ăn, nên uống, khi nằm, khi đứng, luôn hợp với ý của Phật, chưa từng mất oai nghi. Tỳ-kheo hay hàng Thệ tâm nào thích nghe kinh hay không thích, A-nan nói ra đều chân thật. A-nan đã hết lòng hiếu thuận đối với Phật, vậy thì khóc lóc làm gì?”

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe bậc Phi hành hoàng đế có bốn đức khó làm. Những gì là bốn đức?”

“Các Tiểu quốc vương và các Thệ tâm, Lý gia cùng các dân chúng, đến dưới cửa vua. Phi hành hoàng đế đều gặp họ, bằng tâm hòa thuận, dịu dàng để chỉ dạy, thuyết giảng phương pháp trị nước cho các vua, là phải tri túc, đừng cầu mong. Còn sự hành trì của hàng Thệ tâm thì lấy sự thanh tịnh làm đầu. Các Lý gia và dân phải đến chỗ thờ Phật để nghe Sa-môn giảng dạy về cách sống chân chánh, nơi nhà thì phải tu hạnh hiếu thuận, theo chỗ an định, dùng tâm từ ban bố cho tất cả. Các vua, Thệ tâm, Lý gia và thứ dân không ai là không hoan hỷ, khen ngợi Thánh đế đã làm cảm động cả chư Thiên. Phi hành hoàng đế có bốn đức như vậy.

“Tỳ-kheo A-nan cũng có bốn đức: Nếu có Trừ cận nam, Trừ cận nữ, Thanh tín sĩ, Thanh tín nữ đi đến chỗ A-nan để hỏi kinh giới thì A-nan có thể trình bày quảng diễn cho họ một cách đầy đủ. Bốn chúng đệ tử chẳng ai là chẳng hoan hỷ cáo từ lui ra. Họ đều hết lời khen ngợi. Đó là đức thứ nhất trong bốn đức của A-nan.

“Lại có bốn chúng đệ tử không hiểu sự thâm diệu của kinh, đi đến chỗ của A-nan để hỏi những điều còn nghi. A-nan giải thích rõ các mối nghi của họ, chỗ nào cũng được khai mở, khiến người nghe không chán, khi ra về, không ai là không khen ngợi. Đó là đức thứ hai trong bốn đức của Tôn giả A-nan.

“Các bậc cao đức trong bốn chúng nhìn thấy A-nan đứng hầu bên trái Đức Phật, ai cũng hết lời khen ngợi. Đó là đức thứ ba trong bốn đức của A-nan.

“Đức Phật thuyết giảng kinh, bất luận nhiều hay ít, A-nan đã nghe qua đều nhớ nằm lòng rồi truyền lại cho bốn chúng, hoàn toàn không thêm bớt. Đó là đức thứ tư trong bốn đức của A-nan.”

A-nan bạch Phật:

“Cách đây không xa có những quốc độ như nước Xá-vệ, nước Sa-chi, nước Đàn-ba, nước Vương xá, nước Ba-la-nại, nước Duy-da-lê¹⁹. Nơi các nước lớn ấy, văn minh nghĩa giáo đầy đủ, mong Đức Phật nên đến những chốn đó để diệt độ. Sao Ngài không tới các nước lớn ấy mà chọn một huyện nhỏ, lại còn ở ngoài cửa thành, một xóm thưa thớt, một huyện thấp hèn, để nhập Nê-hoàn?”

Đức Phật bảo A-nan:

“Đừng bảo đây là một xóm nhỏ. Vì sao như vậy?”

“Vào thời xa xưa ở xứ Cưu-di-na-kiệt này có tên là Cưu-di-việt-vương²⁰. Khi ấy trong nước hết sức an lạc, không có các bệnh tật, lúa thóc dồi dào, dân chúng đông đúc, cuộc sống sung túc, trong nhà có con hiếu thảo. Thành từ Đông sang Tây dài bốn trăm tám mươi dặm, thành Nam-Bắc dài hai trăm tám mươi dặm. Thành có bảy lớp đều dùng ngói nung nhiều lớp ghép lại, dùng vàng ròng, bạc trắng, lưu ly, thủy tinh để làm tường thành, cũng dùng bốn loại báu làm ngói lợp. Thành cao sáu trượng bốn thước, ở bên trên rộng hai trượng bốn thước. Trong thành có cây báu, hoa phát ra ánh sáng năm màu. Đường đi có ba lối, hai bên đều dùng bốn báu để lót đường, có ngói lợp lên trên, hai bên là nhà ở, điêu khắc chạm trổ đẹp đẽ giống như trên cõi trời. Có các thứ âm nhạc, các loại đàn cầm, đàn sắt do nam nữ thuần

¹⁹. Các đô thị lớn, trù phú, thời Phật.

²⁰. Cưu-di-việt-vương 鳩夷越王; No.1(2) sđd.: Câu-xá-bà-đề 拘舍婆提; Pāli: Kusāvati.

nhất ca ngợi đạo đức. Nhạc về đạo có mục đích giúp cho trí tuệ thêm sáng suốt, khiến dân chúng không có ưu sầu, sợ sệt, tâm thường hoan hỷ. Trên đầu họ không có trang điểm nhưng hương trí tuệ tỏa khắp. Vị Thánh vương ở cõi này tên là Đại Khoái Kiến²¹, hiệu là Phi hành hoàng đế, điều khiển binh đội thông minh nhất thế gian, dùng đạo trị dân, dân chúng không trái với vương pháp. Nếu dân chúng muốn phi hành, hễ nghĩ thì thân liền bay đến đó. Nhà vua có bảy báu, tự nhiên sanh ra: Bánh xe bằng vàng báu bay được. Voi trắng có thần lực. Ngựa thần màu xanh. Ngọc Minh nguyệt. Vợ là Ngọc nữ ở trên trời. Quan là bậc Thánh chủ kho báu. Quan là bậc Thánh coi về binh.

“Nhà vua có bốn đức. Lúc còn thơ ấu, lúc làm Thái tử, lúc lên ngôi vua, lúc bỏ nước, lúc diệt dục làm Sa-môn, đều trải qua mỗi thời kỳ là tám vạn bốn ngàn năm. Đó là đức khó có của vua Đại Khoái Kiến.

“Khi ăn uống thì tiêu hóa, thân thể không có bệnh lâu, lạnh nóng điều hòa, thân ý thường được an vui. Đó là đức thứ hai của nhà vua.

“Dung mạo oai nghiêm, khí sắc hơn đời, chỉ kém thua Đế Thích một chút, vua cho là không bằng. Đó là đức thứ ba của nhà vua.

“Khấp cả vom trời, trọn cả cõi đất, người dân từ lớn chí nhỏ không ai là không yêu kính nhà vua, giống như người con chí hiếu mong cho cha mẹ đều được an lạc. Nhà vua cũng đem tâm thương yêu chúng sanh, xem tất cả như con đẻ. Nếu ai nghèo thì vua cho tiền của, đói cho ăn, khát cho uống. Già mà khốn cùng, nhỏ mà cô quạnh đều khiến cho ở chung như là quyến thuộc thân thích. Dùng nhà cửa, xe cộ để cứu tế khẩn cấp cho tất cả. Đó là đức thứ tư của nhà vua.

“Trong nước thường nghe mười hai loại âm thanh, đó là tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng bò, tiếng xe, tiếng loa, tiếng trống, tiếng múa, tiếng ca, tiếng nhạc, tiếng ca tụng nhân nghĩa, tiếng khen Phật là Bạc tôn quý. Dân chúng trang sức bằng các thứ châu báu dệt thành như vô số

²¹. Đại Khoái Kiến 大快見; No.1(2) sđd.: Đại Thiện Kiến 大善見; Pāli: Mahāsudassana.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

loại ngọc Minh nguyệt, chuỗi anh lạc chiếu sáng, ăn uống ca nhạc giống như cõi trời Đao-lợi. Dân chúng luôn được sống trong cảnh yên vui, sung sướng.